

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dư Thị Út

Bà Khuru Liên Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thử Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 471/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1963. Địa chỉ: số A, khóm B, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. “vắng mặt”.

2. Bị đơn: bà **Vũ Thị M**, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ G, khu H, phường Y, quận K, thành phố Hải Phòng. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S trình bày: ông và bà Vũ Thị M tự nguyện kết hôn năm 2008, được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2008 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 392, quyển số 3. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay ông xác định vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không có biện pháp hàn gắn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị M. Về

con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về phía bị đơn bà Vũ Thị M trình bày: tại bản tự khai và Đơn đề nghị xem xét giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 15/02/2019 của bị đơn Vũ Thị M thể hiện bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Ngọc S về vấn đề hôn nhân cũng như mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, và nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông S yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, ông S và bà M chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian dài, không thể hàn gắn. Vì vậy, ông S yêu cầu ly hôn và bà M đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông S. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông S yêu cầu ly hôn với bà M, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông S cư trú tại số A, khóm B, phường C, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, các đương sự có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc S và bị đơn Vũ Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông S và bà M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2008 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 392, quyển số 3 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến với nhau, ông S và bà M đã không thấy được mục đích và ý nghĩa của hôn nhân, không tìm ra được biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của ông S và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông S yêu cầu ly hôn, bà M cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông S và bà M.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M thống nhất xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M thống nhất xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M.
2. Về con chung: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc S và bà Vũ Thị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông S đã nộp tạm ứng án phí số tiền

là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000222 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

5. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND TP. Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Phùng Văn Định